**Tổng hợp USECASE FORMAT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Use Case Number** | 1 | | |
| **Use Case Name** | Quản lí đọc giả | | |
| **Actor (s)** | Thủ thư | | |
| **Maturity** | Focused | | |
| **Summary** | Tạo hồ sơ và làm thẻ thư viện cho đọc giả để quản lí các hoạt động của đọc giả để đọc giả sử dụng dịch vụ tại thư viện. | | |
| **Basic Course of Events** | **Actor Action** | **System Respone** | |
| 1. Actor chọn chức năng quản lí đọc giả |  | |
|  |  | 1. Hệ thống hiển thị trang quản lí đọc giả gồm danh sách các đọc giả, xóa, cập nhập, tạo hồ sơ đọc giả và tạo thẻ thư viện | |
|  | 1. Actor chọn đọc giả và chọn xem hoạt động của động giả. **A1, A2, A3,A4** |  | |
|  |  | 1. Hệ thống hiển thị chi tiết hoạt động mượn sách của đọc giả. | |
|  | 1. Actor xem. Use case kết thúc tại đây |  | |
| **Alternative Paths** | A1. | | |
|  | Actor Action | | System Respone |
|  | 1. Actor chọn đọc giả và chọn xóa | |  |
|  |  | | 1. Hệ thống xóa đọc giả đó. Quay về bước 2. |
|  | A2 | | |
|  | Actor Action | | System Respone |
|  | 1. Actor chọn đọc giả và chọn nút cập nhật | |  |
|  |  | | 1. Hiển thị bảng thông tin của đọc giả. |
|  | 1. Actor nhập lại những thông tin muốn sửa. | |  |
|  | 1. Actor bấm cập nhật. | |  |
|  |  | | 1. Hệ thống lưu lại vào CSDL. Quay về bước 2. |
|  | A3 | | |
|  |  | | |
|  | A4 | | |
| **Exception Paths** |  | | |
| **Extension Points** |  | | |
| **Triggers** |  | | |
| **Assumption** |  | | |
| **Preconditions** |  | | |
| **Post Conditions** |  | | |
| **Reference: Business Rules** |  | | |
| **Reference: Risks** |  | | |
| **Author(s)** |  | | |
| Date: |  | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Use Case Number** | 7. | | |
| **Use Case Name** | Nhập sách. | | |
| **Actor (s)** | Thủ thư | | |
| **Maturity** | Focused | | |
| **Summary** | Giúp thủ thư nhập sách mới vào kho sách của thư viện khi có sách mới đc nhập về từ nhà cung cấp bằng cách thêm thông tin sách mới vào CSDL của hệ thống. | | |
| **Basic Course of Events** | **Actor Action** | **System Respone** | |
| 1. Thủ thư chọn Nhập sách. |  | |
|  |  | 2. | |
|  | 1. Actor chọn đọc giả và chọn xem hoạt động của động giả. **A1, A2, A3,A4** |  | |
|  |  | 1. Hệ thống hiển thị chi tiết hoạt động mượn sách của đọc giả. | |
|  | 1. Actor xem. Use case kết thúc tại đây |  | |
| **Alternative Paths** | A1. | | |
|  | Actor Action | | System Respone |
|  | 1. Actor chọn đọc giả và chọn xóa | |  |
|  |  | | 1. Hệ thống xóa đọc giả đó. Quay về bước 2. |
|  | A2 | | |
|  | Actor Action | | System Respone |
|  | 1. Actor chọn đọc giả và chọn nút cập nhật | |  |
|  |  | | 1. Hiển thị bảng thông tin của đọc giả. |
|  | 1. Actor nhập lại những thông tin muốn sửa. | |  |
|  | 1. Actor bấm cập nhật. | |  |
|  |  | | 1. Hệ thống lưu lại vào CSDL. Quay về bước 2. |
|  | A3 | | |
|  |  | | |
|  | A4 | | |
| **Exception Paths** |  | | |
| **Extension Points** |  | | |
| **Triggers** |  | | |
| **Assumption** |  | | |
| **Preconditions** |  | | |
| **Post Conditions** |  | | |
| **Reference: Business Rules** |  | | |
| **Reference: Risks** |  | | |
| **Author(s)** |  | | |
| Date: |  | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Use Case Number** | 9. | |
| **Use Case Name** | Thanh lí | |
| **Actor (s)** | Thủ thư | |
| **Maturity** | Focused | |
| **Summary** | Cho phép thủ thư lập ra danh sách các tài liệu cần thanh lí trong quá trình kiểm kê và xử lý các TL thanh lý trong CSDL của hệ thống. Lưu trữ các TL thanh lý vào danh mục riêng trong hệ thống. | |
| **Basic Course of Events** | **Actor Action** | **System Respone** |
| 1. Thủ thư chọn chức năng Thanh lý. |  |
|  |  | 1. Hệ thống hiển thị ra giao diện Thanh lý |
|  | 1. Thủ thư chọn Danh mục thanh lý sách |  |
|  |  | 1. Hệ thống hiển thị giao diện Danh mục thanh lý của tháng. |
|  | 1. Thủ thư chọn Thêm TL thanh lý. |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị form Nhập TL thanh lý |
| 1. Thủ thư nhập các thông tin TL vào form và nhấn Save. **A1** |  |
|  | 1. Hệ thống thực hiện kiểm tra bằng cách truy vấn CSDL kho sách của thư viện và lưu vào danh sách thanh lý của tháng. **E1.** |
|  | 1. Hệ thống thông báo lưu thành công và quay lại Danh mục thanh lý. |
| 1. Thủ thư chọn Thanh lý. |  |
|  | 1. Hệ thống xác nhận với actor “Bạn có muốn xóa TL khỏi kho sách thư viện hay không ?”. **A2** |
| 1. Thủ thư chọn Xác nhận. |  |
|  | 1. Hệ thống xóa CSDL của những TL có trong danh sách thanh lý khỏi kho sách và lưu vào hồ sơ thanh lý của thư viện. |
| **Alternative Paths** | **A1** | |
|  | Actor Action | System Respone |
|  | 1. Thủ thư chọn Hủy |  |
|  |  | 1. Hệ thống đóng form nhập TL thanh lý . Quay về bước 4. |
|  | **A2** | |
|  | Actor Action | System Respone |
|  | 1. Thủ thư chọn Không |  |
|  |  | 1. Hiển thị bảng thông tin của đọc giả. |
|  | A3 | |
|  |  | |
|  | A4 | |
| **Exception Paths** |  | |
| **Extension Points** |  | |
| **Triggers** |  | |
| **Assumption** |  | |
| **Preconditions** |  | |
| **Post Conditions** |  | |
| **Reference: Business Rules** |  | |
| **Reference: Risks** |  | |
| **Author(s)** |  | |
| Date: |  | |